TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÀU BÀNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 05-6-2019
V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ái Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hòa

Ông Tô Tiến Quân

- Thư ký phiên tòa: Ông Kiều Vĩnh Phong, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Giang- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 77/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2019 về ly hôn và tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/QĐST – HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1984; địa chỉ: ấp T, xã N, huyện B, tỉnh Bình Dương; tạm trú: khu phố Đ, thị trấn U, huyện B, tỉnh Bình Dương; có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Trọng C, sinh năm 1977; địa chỉ: ấp T, xã N, huyện B, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14-3-2019, lời trình bày trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Về hôn nhân: Chị H và anh C chung sống, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn năm 2004 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện B, tỉnh Bình Dương (Giấy chứng nhận kết hôn số 175 ngày 04-10-2004), là hôn nhân tự nguyện. Cuộc sống chung hạnh phúc, đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, do anh C ghen tuông dẫn đến chị H mâu thuẫn với gia đình chồng. Chị H và anh C đã ly thân từ tháng

12/2018 cho đến nay. Nhận thấy cuộc sống chung không còn hạnh phúc, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, tình cảm vợ chồng không còn, chị H yêu cầu được xin ly hôn với anh C.

Về con chung: Chị H và anh C có hai con chung là cháu Nguyễn Ngọc Thùy T, sinh năm 2005 và Nguyễn Trọng Ch, sinh năm 2009. Chị H yêu cầu giao hai con chung cho anh C được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung, chị H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: chị H không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai đề ngày 26 tháng 3 năm 2019 và quá trình tham gia tố tụng anh C trình bày:

Anh C thống nhất với lời trình bày của chị H về việc chung sống, đăng ký kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn như chị H trình bày. Anh C thừa nhận có ghen tuông vô cớ dẫn đến việc cãi vả, mâu thuẫn của chị H với gia đình chồng gay gắt, mâu thuẫn bắt đầu từ tháng 11-2018 cho đến ngày 18-01-2019 chị H ra ngoài sống cho đến nay. Chị H và anh C không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Tuy nhiên, anh C còn thương chị H nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh C thống nhất như lời trình bày của chị H về con chung là Nguyễn Ngọc Thùy T, sinh năm 2005 và Nguyễn Trọng Ch, sinh năm 2009. Cháu T và cháu Ch hiện đang ở với anh C và học tập ở Trường tiểu học L, xã N, huyện B. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn, anh C đồng ý nuôi hai con chung. Chị H tự nguyện cấp dưỡng cho con chung mỗi cháu là 1.000.000 đồng/tháng, anh C đồng ý.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh C không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1]Sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Bị đơn anh Nguyễn Trọng C được Tòa án triệu tập hợp lệ tham thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh C theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]Quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị Thu H khởi kiện anh Nguyễn Trọng C về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con; anh C có nơi cư trú tại ấp T, xã N, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: hôn nhân của chị H và anh C là hợp pháp. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vả, không có sự tin tưởng, yêu thương tôn trọng lẫn nhau, hôn nhân không còn hạnh phúc nên chị H khởi kiện yêu cầu ly hôn anh C.

Anh C không đồng ý ly hôn do còn thương chị H. Tuy nhiên, anh C thừa nhận việc anh ghen tuông vô cớ dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên cải vã và không còn chung sống với nhau. Theo biên bản xác minh tại địa phương cũng ghi nhận chị H và anh C có mâu thuẫn, có trình báo với địa phương nhưng nguyên nhân thì địa phương không rõ (bút lục số 21).

Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ quan tâm chăm sóc lẫn nhau, việc chị H và anh C là vợ chồng nhưng không còn chung sống, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không còn cùng chia sẻ, thực hiện các công việc chung trong gia đình như vậy đã vi phạm nghiêm trọng đến quyền, nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị H là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị H yêu cầu giao hai con chung là Nguyễn Ngọc Thùy T, sinh năm 2005 và Nguyễn Trọng Ch, sinh năm 2009 cho anh C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng do chị H hiện phải ở trọ, không ổn định. Chị H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng.

Xét thấy, cháu T và cháu Ch hiện đang học tại Trường tiểu học L và đang sinh sống ổn định với anh C. Tại biên bản lấy lời khai cháu Ch (bút lục 22) và bản tự khai cháu T (bút lục 23) thì hai cháu đều có nguyện vọng được ở với anh C, anh C đồng ý nuôi con chung. Căn cứ vào quyền, lợi ích hợp pháp về mọi mặt của con chung nên Hội đồng xét xử giao hai con chung là cháu Ch và cháu T cho anh C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng theo quy định khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu là 1.000.000 đồng/tháng.

[2.3] Về tài sản và nợ chung: Chị H và anh C không tranh chấp về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3] Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 19, khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 84, Điều 107, Điều 119 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu H đối với anh Nguyễn Trọng C về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với anh Nguyễn Trọng C.

- Về con chung: giao hai con chung là Nguyễn Ngọc Thùy T, sinh ngày 28-02-2005 và Nguyễn Trọng Ch, sinh ngày 29-01-2009 cho anh Nguyễn Trọng C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Chị Nguyễn Thị Thu H có nghĩa vụ cấp dưỡng mỗi tháng nuôi cháu Nguyễn Ngọc Thùy T là 1.000.000 đồng (một triệu đồng); cháu Nguyễn Trọng Ch là 1.000.000 đồng (một triệu đồng).

Việc cấp dưỡng bắt đầu thực hiện từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu T, cháu Ch đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Vì quyền lợi hợp pháp của con. Tòa án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Trọng C không tranh chấp nên Tòa án không giải quyết.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự (cấp dưỡng) nhưng được trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2016/0020912 ngày 14 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương. Chị H có nghĩa vụ nộp thêm 300.000 đồng.

3. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn có mặt quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định.

4. Về nghĩa vụ thi hành án: trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục Thi hành án DS huyện Bàu Bàng;
- UBND xã N, huyện B;
- Đương sự;
- Cổng Thông tin điện tử của Tòa án;
- Lưu: hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ái Ngân